TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HS-ST
Ngày 03 – 01 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Vũ Thị Quỳ

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Quý Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Danh L, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1972 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Danh T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1932; có vợ là Nguyễn Thị N1, sinh năm 1971 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 04/HS ngày 25/02/1997 của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xử phạt bị cáo 36 tháng tù về tội "Cướp tài sản của công dân" (đã xóa án tích); ngày 20/6/1991 bị xử lý hành chính về hành vi cưỡng dâm (đã được xóa); bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/5/2019, có mặt.

Bị hại:

- Anh Đinh Văn T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Anh Mạc Như V, sinh năm 1982; nơi cơ trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Duy P, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn S, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Chị Vũ Thị H1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Ông Đoàn Đắc C, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Anh Bùi Kim Q, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/8/2017, Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với Đinh Văn T, sinh năm: 1971, ở thôn K1, xã T, huyện K và Mạc Như V, sinh năm: 1982, ở thôn Đ, xã N, huyện K và đồng phạm về các tội "Tổ chức đánh bạc", "Gá bạc" và "Đánh bạc" và tuyên phạt Đinh Văn T 21 tháng tù, Mạc Như V 27 tháng tù. Do Nguyễn Danh L có mối quan hệ bạn bè, quen biết với Đinh Văn T, Mạc Như V nên L biết T và V đều có mong muốn được hưởng án treo. Sau khi Tòa án nhân dân huyện K xét xử một vài ngày L, T, V cùng đến nhà anh Vũ Duy P, sinh năm 1964 ở thôn S, xã M, huyện K để chơi, tại đây L chủ động đặt vấn đề "chạy án" từ hình phạt tù sang án treo cho T, V nhưng lúc này cả T, V đều chưa đồng ý nhờ L "chạy án" vì chưa tin tưởng.

Để tạo sự tin tưởng của T và V, L đã đưa ra các thông tin không đúng sự thật, L nhiều lần nói về việc có mối quan hệ quen biết với những người làm trong các Cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, đồng thời khẳng định "chạy án" cho T, V được hưởng án treo. Mục đích để T, V sẽ giao tiền cho Lý để "chạy án". Sau nhiều lần thuyết phục, T và V đồng ý nhờ L "chạy án". Theo yêu cầu của L, T đã giao 200.000.000 đồng, V giao 210.000.000 đồng cho L để "chạy án". Sau khi nhận được tiền của T và V, L sử dụng toàn bộ vào việc chi tiêu cá nhân mà không làm bất cứ hành động nào, không liên hệ với ai để "chạy án" cho T và V vì L không có khả năng thực hiện việc này. Ngày 17/11/2017, Tòa án nhân dân thành phố H xét xử phúc thẩm vụ án, không chấp nhận kháng cáo của T, V và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Lúc này, T và V nghi ngờ L lừa đảo chiếm đoạt tiền của mình nên đã yêu cầu L trả lại tiền. L hẹn gặp T, V ở khu vực ngã 5 K, thành phố

Hải Phòng, L đi cùng 03 người bạn của mình (trong đó có một người bạn tên H, ở Hà Nội, còn lại 02 người khác đều là bạn của H, chưa xác định rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể). Tại đây, L trả cho T, V mỗi người 10.000.000 đồng. Sau đó, đến thời điểm trước khi T đi thi hành án, L dẫn theo bạn là M ở thành phố Hồ Chí Minh (chưa xác định được rõ lai lịch) đến nhà T, trả lại cho T thêm 25.000.000 đồng. Do Tứ phải đi thi hành án nên T bảo L viết giấy vay số tiền là 165.000.000 đồng và nhờ ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964, ở thôn Đ, xã T, huyện K đứng tên là người cho vay. Khi T đi thi hành án phạt tù, L đã trả thêm cho T 60.000.000 đồng, còn lại 105.000.000 đồng L chưa bồi thường, khắc phục hậu quả. Đối với V, L trả thêm được 10.000.000 đồng, còn lại 190.000.000 đồng đến nay chưa bồi thường, khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKSKT ngày 14 tháng 10 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Danh L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Đinh Văn T và Mạc Như V có hành vi giao tiền cho Nguyễn Danh L (là người không có chức vụ quyền hạn) để nhằm mục đích "chạy án". T, V không biết cụ thể việc lý lo "chạy án" là như thế nào, bằng cách gì, liên hệ với ai (người có chức vụ quyền hạn) để chạy án nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý đối với T và V về tội "Đưa hối lộ" quy định tại Điều 364 Bộ luật Hình sự.

Đối với những người làm chứng là Vũ Duy P, Đoàn Đắc C, Bùi Kim Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị T2 và Vũ Thị H1 không trực tiếp chứng kiến việc thống nhất và giao tiền giữa L, T, V để lo "chạy án", không biết rõ việc L có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T và V nên không có căn cứ xử lý về tội "Không tố giác tội phạm" quy định tại Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Đối với đối tượng tên M đi cùng Nguyễn Danh L đến đầm nuôi cá của anh Đinh Văn T; đối tượng tên H và 02 người bạn của H đi cùng Nguyễn Danh L để gặp T, V tại khu vực ngã 5 K, thành phố Hải Phòng liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Danh L. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa xác định được lý lịch của những người này nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Danh L về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 11 - 12 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về dân sự: Người bị hại là anh Đinh Văn T và anh Mạc Như V yêu cầu bị cáo L phải bồi thường số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, xét yêu cầu của người bị hại là có căn cứ, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ý kiến của bị cáo Nguyễn Danh L: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố là đúng; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố đối với bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Danh L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên toà thể hiện: Do nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các người bị hại là Đinh Văn T và Mạc Như V nên bị cáo Nguyễn Danh L mặc dù không phải là người có chức vụ quyền hạn hoặc có mối quan hệ quen biết với người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan Nhà nước cũng như trong các cơ quan tiến hành tố tụng để có thể giúp Đinh Văn T, Mạc Như V chuyển từ án phạt tù thành án treo nhưng L đã đưa ra các thông tin sai sự thật về việc bản thân có quen người có chức vụ quyền hạn để các người bị hại tin tưởng bị cáo có khả năng "chạy án" cho họ và thực hiện đưa tiền cho bị cáo L theo yêu cầu của bị cáo. Bị cáo Nguyễn Danh L ý thức được việc lừa dối các người bị hại là anh T, anh V nhằm chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật nhưng do nhu cầu cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Danh L đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điều 174 Bộ luật Hình sự

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo đã chiếm đoạt của anh Đinh Văn T số tiền là 200.000.000 đồng và chiếm đoạt của anh Mạc Như V số tiền là 210.000.000 đồng, tổng giá trị chiếm đoạt là 410.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự như kết luận của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không vi phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường một phần cho các người bị hại, các người bị hại tại phiên tòa đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo để xem xét khi quyết định hình phạt.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Nhân thân bị cáo có 01 tiền án và 01 tiền sự mặc dù đã xóa nhưng cũng phải đánh giá bị cáo có nhân thân xấu, không có ý thức cải tạo tu dưỡng để trở thành người công dân lương thiện. Chính vì vậy cần thiết phải xử bị cáo mức án cao trong khung hình phạt mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo cũng như có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về dân sự: Người bị hại là anh Đinh Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 105.000.000 đồng, anh Mạc Như V yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 190.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Danh L cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các người bị hại. Xét yêu cầu của các người bị hại và sự đồng ý bồi thường của bị cáo L là phù hợp quy định của pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Danh L khai nhận: Vì mục đích chiếm đoạt tài sản của Đinh Văn T và Mạc Như V do L biết T, V bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt tù về các tội danh "Đánh bạc", "Gá bạc" và "Tổ chức đánh bạc" và có nhu cầu lo "chạy án" từ án tù thành án treo nên mặc dù bị cáo không có khả năng và cũng không quen biết người có chức vụ quyền hạn nhưng bị cáo vẫn trao đổi với Đinh Văn T và Mạc Như V với nội dung bị cáo quen biết nhiều người làm trong các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án để tạo sự tin tưởng cho T và V. Khi T và V tin tưởng bị cáo có khả năng lo "chạy án", họ đã nhờ bị cáo L và qua đó T đã giao cho L 200.000.000 đồng, V giao 210.000.000 đồng với mục đích để L "chạy án".

[8.2] Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Đinh Văn T và Mạc Như V khai: Do T, V bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt tù về tội

"Gá bạc", "Tổ chức đánh bạc" và "Đánh bạc" nên khi L đặt vấn đề có khả năng lo "chạy án" từ án tù thành án treo thì T, V đã tin tưởng và đồng ý nhờ L "chạy án" cho mình. T, V tin tưởng vào L vì có mối quan hệ quen biết từ lâu, đồng thời tin vào việc L nói có quan hệ quen biết nhiều người làm trong các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án và có cả cán bộ ở Trung ương có khả năng "chạy án" cho T, V từ án tù thành án treo; vì tin tưởng vào L có khả năng "chạy án" cho mình nên mặc dù T, V không biết người có chức vụ quyền hạn cũng như không trực tiếp gặp hoặc được L trao đổi ai sẽ là người đứng ra lo "chạy án" tù thành án treo cho T, V thì T, V vẫn giao cho L số tiền 410.000.000 đồng để chạy án theo yêu cầu của L.

[8.3] Căn cứ vào lời khai của bị cáo Nguyễn Danh L và Đinh Văn T, Mạc Như V có thể xác định: Đinh Văn T, Mạc Như V biết rõ L không phải là người có chức vụ quyền hạn, không có thẩm quyền, khả năng thay đổi hình phạt cho T, V từ án tù chuyển sang án treo nhưng vẫn tin tưởng và giao tiền cho L, làm theo yêu cầu của L để thực hiện việc "chạy án" nhưng không chủ động khai báo trước với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tại thời điểm giao tiền, T và V nhận thức được L chỉ là người trung gian trong việc nhận tiền để liên hệ, giao tiền cho những người có chức vụ quyền hạn để thực hiện việc thay đổi hình phạt theo yêu cầu của T và V. Mặc dù, T, V không biết ai là người có chức vụ quyền hạn cũng như thực tế không có người có chức vụ quyền hạn đứng ra nhận thay đổi mức hình phạt theo yêu cầu của T và V nhưng về ý thức chủ quan T và V đều đã tin là có người có thể lo được việc thay đổi mức hình phạt và T, V đã cụ thể hóa niềm tin ấy bằng hành vi giao tiền cho L để thực hiện hành vi trái pháp luật. Như vậy, hành vi của Đinh Văn T, Mạc Như V có dấu hiệu phạm tội "Đưa hối lộ" theo quy định tại Điều 364 Bộ luật Hình sự. Do vậy kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra huyện K tiếp tục điều tra đối với Đinh Văn T và Mạc Như V tránh bỏ lọt tội phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Danh L 11 (mười một) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2019.

*Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Danh L phải bồi thường cho các người bị hại, cụ thể như sau:

+ Bồi thường cho anh Đinh Văn T số tiền 105.000.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng).

+ Bồi thường cho anh Mạc Như V số tiền 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành

án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

* Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, bị cáo Nguyễn Danh L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 14.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng mức án phí bị cáo phải nộp là 14.950.000 đồng.

* Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, thành phố Hải Phòng tiếp tục điều tra đối với Đinh Văn T và Mạc Như V để tránh bỏ lọt tội phạm.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND; TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Phòng PV06; PC10
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND xã N, huyện K;
- Bị cáo; Bị hại
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang